

Số: *M*/MNTTYV

Yên Viên, ngày 03 tháng 7 năm 2021

BÁO CÁO
THUYẾT MINH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH
QUÝ II NĂM 2021

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-Cp ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ qui định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 10888/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2020 của UBND Huyện Gia Lâm về việc Giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021 của huyện Gia Lâm;

Căn cứ vào thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính;

Căn cứ số liệu thực hiện thu, chi ngân sách của trường Quý II năm 2021 đã đối chiếu khớp đúng với kho bạc Nhà nước huyện Gia Lâm. Trường mầm non Thị Trấn Yên Viên thuyết minh về báo cáo thực hiện dự toán ngân sách Quý II năm 2021 với những nội dung cụ thể như sau:

A. Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí

I/ Dự toán thu Quý II năm 2021

1. Thu phí, lệ phí : 208.755.000đ

- Thu học phí quý II được: 107.663.000đ - đạt 11,4%% so với dự toán năm 2021.

2. Thu sự nghiệp khác tổng thu được : 113.550.000đ; đạt 9,8% so với tổng dự toán thu sự nghiệp đầu năm.

- Thu tiền chăm sóc bán trú thu được ;83.700.000đ đạt 11,4% so với dự toán đầu năm.

- Thu tiền trông giữ ngày thứ 7 thu được: 28.800.000đ đạt 11,2% so với dự toán đầu năm.

- Thu tiền Học phẩm được: 525.000đ ;0,6% so với dự toán đầu năm.

- Thu tiền trang thiết bị phục vụ bán trú được :525.000đ ;đạt 0,6% so với dự toán đầu năm.

II/ Dự toán chi Quý II năm 2021

1. Chi từ nguồn thu phí được để lại

- Chi thực hiện chế độ tự chủ chi : 248.819.665đ; đạt 26,4% so với dự toán đầu năm.

2. Chi từ hoạt động sự nghiệp khác chi : 468.200.715đ đạt 22,3% so với dự toán đầu năm.

- Chi từ nguồn chăm sóc bán trú chi: 166.500.000đ; đạt 22,6% so với dự toán đầu năm.
- Chi từ nguồn trông giữ ngày thứ 7 chi : 52.881.050đ; đạt 20,6% so với dự toán đầu năm.

B. Dự toán chi ngân sách nhà nước

1. Chi từ nguồn ngân sách cấp chi :1.584.896.757đ-đạt 28,9% so với dự toán đầu năm.

1.1 Nguồn tự chủ chi 1.393.914.143đ đạt 26.4% so với dự toán đầu năm.

- Chi thanh toán cá nhân chi: 786.008.797đ; đạt 21,1% so với dự toán đầu năm.
- Chi thanh toán cá nhân chi(Nguồn CCTL): 122.000.000đ; đạt 254.2% so với dự toán đầu năm.
- Chi thanh toán dịch vụ công cộng chi :55.583.307đ; đạt 30,1% so với dự toán đầu năm.
- Chi thanh toán Vật tư văn phòng :86.071.000đ; đạt 82% so với dự toán đầu năm.
- Chi Thông tin, tuyên truyền, liên lạc chi : 126.539đ; đạt 0.9% so với dự toán đầu năm.
- Chi khoán công tác phí chi 6.600.000đ; đạt 25% so với dự toán đầu năm.
- Chi thuê mướn chi :6.000.000đ; đạt 17,1% so với dự toán đầu năm.
- Chi nghiệp vụ chuyên môn: 331.524.500đ đạt 33,2% so với dự toán đầu năm

1.2 Nguồn không tự chủ chi :190.982.614đ đạt 89.7% so với dự toán đầu năm.

Trên đây là một số nội dung thuyết minh báo cáo thực hiện dự toán ngân sách Quý II năm 2021 của trường mầm non Thị Trấn Yên Viên. Trường mầm non Thị Trấn Yên Viên báo cáo Phòng Tài chính và kế hoạch huyện Gia Lâm để nhà trường có cơ sở thực hiện!

Nơi nhận:

- Phòng TC&KH Huyện Gia Lâm.
- Lưu:VT,KT.



Trương Thị Hải Yến

DANH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH QUÝ II/2021
(Dùng cho đơn vị sử dụng NSNN)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm 2021	Thực hiện quý II/2021	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
I	TỔNG SỐ THU, CHI, NỢP NGÂN SÁCH PHÍ, LỆ PHÍ	2,099,607,000	221,213,000	10.5%	23%
1	Số thu phí, lệ phí	943,857,000	107,663,000	11.4%	21%
1.1	Lệ phí				
1.2	Phí	943,857,000	107,663,000	11.4%	21%
1.3	Thu khác	1,155,750,000	113,550,000	9.8%	23%
	Chăm sóc bán trú	735,750,000	83,700,000	11.4%	11%
	Thứ bảy	256,500,000	28,800,000	11.2%	10%
	Học phẩm	81,750,000	525,000	0.6%	3.1%
	Trang thiết bị PVBT	81,750,000	525,000	0.6%	3.1%
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	2,099,607,000	468,200,715	22.3%	23%
2.1	Chi sự nghiệp	1,155,750,000	219,381,050	19.0%	15.8%
a	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1,155,750,000	219,381,050	19.0%	16%
	Chăm sóc bán trú	735,750,000	166,500,000	22.6%	18%
	Thứ bảy	256,500,000	52,881,050	20.6%	8%
	Học phẩm	81,750,000	-	0.0%	10%
	Trang thiết bị PVBT	81,750,000	-	0.0%	28%
	Học hè			0.0%	0%
b	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	943,857,000	248,819,665	26.4%	31%
2.2	Chi quản lý hành chính	943,857,000	248,819,665	26.4%	31%
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	943,857,000	248,819,665	26.4%	31%
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	0	0	0	0
3.1	Lệ phí				
3.2	Phí				
II	DỰ TOÁN CHI NSNN	5,493,000,000	1,584,896,757	28.9%	
1	Chi quản lý hành chính				
				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	5,493,000,000	1,584,896,757	28.9%	
3.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	5,280,000,000	1,393,914,143	26.4%	
	KP tiết kiệm 10% CCTL	48,000,000	122,000,000	254.2%	0
	Chi thanh toán cá nhân	3,732,075,016	786,008,797	21.1%	21%

	Phúc lợi tập thể	2,000,000		0.0%	0
	Thanh toán dịch vụ công cộng	184,600,000	55,583,307	30.1%	8%
	Vật tư văn phòng	105,000,000	86,071,000	82.0%	73%
	Thông tin liên lạc	13,400,000	126,539	0.9%	41%
	Hội nghị				
	Thanh toán công tác phí	26,400,000	6,600,000	25.0%	25%
	Chi phí thuê mướn	35,000,000	6,000,000	17.1%	27%
	Sửa chữa tài sản cố định	83,100,000		0.0%	113%
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	998,924,984	331,524,500	33.2%	51%
	Mua sắm TSCĐ	25,000,000		0.0%	0%
	Chi khác	26,500,000		0.0%	6.10%
3.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	213,000,000	190,982,614	89.7%	105.6%
	Chi thanh toán cá nhân	213,000,000	190,982,614	89.7%	125.3%
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	0		0.0%	20%

Ngày 03 tháng 7 năm 2021

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Trương Thị Hải Yến